

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Chính trị
của Trường Đại học Vinh

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 23 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 06 chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Chính trị của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 23 ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Chính trị của Trường Đại học Vinh. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Chính trị của Trường Đại học Vinh đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Chính trị của Trường Đại học Vinh sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 47 tiêu chí chiếm 94%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Vinh cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Chính trị (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình đại học ngành Giáo dục Chính trị của Trường Đại học Vinh theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Vinh;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature in blue ink]

Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục chính trị
của Trường Đại học Vinh**

*(Kèm theo Nghị quyết số 177/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		4,00	4	80
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	5			
Tiêu chuẩn 6		4,00	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 9		4,00	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		4,17	6	100
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	5			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		3,80	4	80
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	3			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4,00	47	94



Phụ lục II
KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục chính trị
của Trường Đại học Vinh

(Kèm theo Nghị quyết số 177/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Giáo dục chính trị (GDCT) của Trường Đại học Vinh, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu CTĐT ngành GDCT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Vinh và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học; phù hợp với chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục phổ thông. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GDCT (2025) được rút gọn theo hướng tinh lọc các chuẩn đầu ra của CTĐT (2019; 2021) và đã xác định tương đối rõ ràng với 19 chuẩn đầu ra, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, được rà soát, điều chỉnh trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, được thông qua Hội đồng thẩm định và được công bố công khai qua nhiều kênh khác nhau.

2. Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, được rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật những vấn đề mới theo quy trình/kế hoạch/hướng dẫn của Trường Đại học Vinh. Các đề cương học phần có đủ thông tin, được rà soát điều chỉnh, được thông qua các cuộc họp ở Khoa/tổ Bộ môn. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, như: website của Nhà trường, hệ thống phần mềm CMC, hệ thống LMS để các bên liên quan có thể tiếp cận và sử dụng.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (theo tiếp cận CDIO)... có mô tả tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học nhằm góp phần đạt được chuẩn đầu ra, thể hiện ở các Bảng ma trận liên kết giữa các phương pháp dạy học/phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của CTĐT cũng như chuẩn đầu ra của các học phần. Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, được bố trí hợp lý theo từng học kỳ, có mô tả số tín chỉ lý thuyết và thực hành cho mỗi học phần. chương trình dạy học được rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật vào các năm 2021, 2025, có tham khảo các CTĐT tương đương ở trong nước.

4. Triết lý giáo dục được tuyên bố, giới thiệu/phổ biến tới các bên liên quan qua nhiều kênh khác nhau. Việc thiết kế các hoạt động dạy - học cũng như tổ hợp các phương pháp dạy học tương đối đa dạng nhằm đạt được chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Các hoạt động dạy và học được thiết kế trong từng học phần của CTĐT hướng đến đạt chuẩn đầu ra, thúc đẩy việc rèn luyện

các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH. Khoa GDCT đã có những hoạt động ngoại khóa đa dạng cho người học theo đặc thù và lợi thế của Khoa; đặc biệt là tổ chức cho người học thực hiện các hoạt động gắn với lý luận chính trị, giúp người học nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật và rèn luyện tính chủ động, sáng tạo...

5. Các quy định, quy trình, hướng dẫn đánh giá kết quả học tập của người học được xây dựng, ban hành và công bố công khai. Các hoạt động và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế tương đối đa dạng nhằm đo lường mức đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, trách nhiệm (theo tiếp cận CDIO). Nhà trường có quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, làm rõ thời điểm chấm và công bố kết quả học tập cho người học. Quy định phúc khảo bài thi học phần cũng được công bố công khai, kịp thời đến giảng viên và người học qua các buổi tiếp tân sinh viên đầu khóa và qua trang điện tử của Trường/Khoa GDCT, được hướng dẫn về việc đăng ký học cải thiện, điều kiện xét tốt nghiệp. Việc xin phúc khảo về kết quả học tập được người được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng đúng quy định và quy trình.

6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Nhà trường được quy hoạch và phát triển đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Số giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 46,7%. Khối lượng công việc đối với giảng viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn theo hệ số lương và được giám định mức giờ chuẩn đối với giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo kiêm công tác quản lý. Năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các tiêu chí cụ thể. Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực của giảng viên được thực hiện theo nhu cầu của Khoa, theo kế hoạch hằng năm của Nhà trường, kết quả trong chu kỳ đánh giá, 100% giảng viên của CTĐT ngành GDCT được cử đi đào tạo, bồi dưỡng. Trường có chiến lược nghiên cứu khoa học, có quy định cụ thể về loại hình, định mức nghiên cứu khoa học của giảng viên, có phần mềm kê khai khối lượng công việc để quản lý giờ nghiên cứu khoa học do phòng Tổ chức Cán bộ quản lý và cá nhân giảng viên có thể tự cập nhật thông tin theo tháng. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên thực hiện CTĐT ngành GDCT đã thực hiện được: 01 đề tài cấp Bộ/Tỉnh, 18 đề tài khoa học cấp trường, đã công bố được 06 bài trên tạp chí WoS/Scopus, 68 bài trên tạp chí chuyên ngành trong nước, 42 bài đăng kỷ yếu hội thảo trong nước, 08 giáo trình, 15 sách chuyên khảo. Chỉ số công bố khoa học đạt mức.

7. Đội ngũ nhân viên phục vụ được định hướng phát triển trong Chiến lược phát triển Trường và Đề án vị trí việc làm được phê duyệt. Đội ngũ nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng. Các quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên với các tiêu chí rõ ràng, được phổ biến tới cán bộ và được công khai bằng nhiều hình thức. Hoạt động đánh giá, xếp hạng chất lượng viên chức, người lao động được quy định cụ thể, được triển khai đánh giá. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên được quy định. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên hằng năm và triển khai thực hiện đạt kết quả. Hoạt động theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả công việc thông qua đánh giá hàng tháng, hàng năm, đánh giá xếp hạng viên chức,

người lao động thông qua công thông tin cán bộ, đảm bảo sự hài lòng của đội ngũ cán bộ.

8. Chính sách, tiêu chí, phương pháp và quy định tuyển sinh ThS được xác định rõ ràng, đúng quy định, được công bố công khai thông qua đề án và thông báo tuyển sinh hàng năm. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được cập nhật, được rà soát, đánh giá, trên cơ sở phản hồi của Hội đồng tuyển sinh ThS và phòng/Khoa liên quan. Hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được quy định cụ thể, có đơn vị, cá nhân thực hiện. Các hoạt động hỗ trợ rất đa dạng và hỗ trợ tìm nơi thực tập, thực hiện đề tài luận văn. Môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu cho người học và các bên liên quan.

9. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có trang thiết bị (hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn...) và có tỉ lệ diện tích/ người học là 3,1m²/ người học, đáp ứng quy định tại Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT. Thư viện được thiết kế có không gian mở, yên tĩnh có không gian đọc dành cho cán bộ, giảng viên và cho người học. Thư viện, phòng đọc có nội quy, hướng dẫn. Trường có thư viện số dùng chung, liên kết tài nguyên thông tin với một số trường đại học khác. Hệ thống phòng thực hành được nhà trường đầu tư, trang bị các thiết bị đặc thù đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Các phòng thực hành được bảo trì, nâng cấp định kỳ, đồng thời bố trí cán bộ phụ trách nhằm hỗ trợ tốt cho công tác giảng dạy và nghiên cứu. Hệ thống công nghệ thông tin bao gồm hệ thống phần cứng, phần mềm, mạng Internet và trang thông tin điện tử phục vụ hoạt động quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hệ thống được sửa chữa, bảo trì và cập nhật. Trường có môi trường xanh, sạch, đẹp; có tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT của Nhà trường được ban hành, rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá; Hoạt động rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học được thực hiện. Giảng viên của Khoa có một số đề tài nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào cải tiến CTĐT cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và cụ thể từng đối tượng của Nhà trường và được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Nhà trường đã xây dựng được hệ thống quản lý và giám sát các chỉ số đầu ra của người học một cách toàn diện và có tổ chức. Về tỷ lệ thời học và tốt nghiệp, Nhà trường đã thiết lập cơ chế quản lý dữ liệu chặt chẽ thông qua sự phối hợp giữa Phòng Công tác chính trị - Học sinh sinh viên, Phòng Đào tạo và Trung tâm Đảm bảo chất lượng, với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý CMC và

Trí Nam, cho phép theo dõi toàn bộ quá trình học tập của sinh viên. Tỷ lệ thôi học có xu hướng giảm đáng kể từ 50% xuống còn 0-3,33% ở các khóa gần đây, thể hiện hiệu quả của các biện pháp quản lý và hỗ trợ người học. Về thời gian tốt nghiệp, chương trình được thiết kế linh hoạt với thời gian chuẩn 4 năm, cho phép sinh viên tốt nghiệp sớm nhất 3 năm hoặc kéo dài tối đa 6 năm, với thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa đạt 4 năm trong giai đoạn đánh giá. Nhà trường đã phân tích các nguyên nhân dẫn đến tốt nghiệp muộn và triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ. Về việc làm sau tốt nghiệp, Nhà trường đã thiết lập quy trình khảo sát chuyên nghiệp giúp thu thập thông tin việc làm của gần 100% sinh viên trong vòng 6 tháng và 1 năm sau tốt nghiệp, với tỷ lệ có việc làm có sự biến động qua các năm từ 57,14% đến 100%, phản ánh sự phù hợp của chương trình với nhu cầu xã hội. Nhà trường đã thực hiện đối sánh cả nội bộ với các ngành khác trong trường, đồng thời triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ đa dạng như tổ chức ngày hội việc làm, ký kết hợp tác với doanh nghiệp lớn, và tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng mềm. Về hoạt động nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã xác định rõ ràng các loại hình nghiên cứu khoa học của sinh viên và thiết lập cơ chế giám sát chặt chẽ với sự tham gia của nhiều đơn vị chức năng, với kinh phí hỗ trợ nghiên cứu khoa học của người học tăng đều qua các năm. Các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên thường hướng đến các vấn đề có tính thời sự. Về mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường đã xây dựng hệ thống khảo sát toàn diện với Trung tâm Đảm bảo chất lượng làm đầu mỗi chuyên trách. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng đạt trên 80% trong hầu hết các lĩnh vực và có xu hướng cải thiện qua các năm, đồng thời kết quả này được sử dụng làm căn cứ để cải tiến chất lượng CTĐT kịp thời và hiệu quả.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan đầy đủ hơn, thường xuyên hơn, với phạm vi và quy mô khảo sát lớn hơn; thiết kế nội dung phiếu khảo sát một cách toàn diện về nội dung và đặc thù riêng cho ngành GDCT; phân tích sâu kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm làm rõ nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành GDCT để chuyển tải vào mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường; hệ thống hóa nội dung tiếp thu, chọn lọc từ các ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh chuẩn đầu ra phù hợp hoặc xây dựng lộ trình bổ sung chuẩn đầu ra theo yêu cầu của thị trường lao động; rà soát lại việc mô tả các chuẩn đầu ra của CTĐT, trong đó chú ý sử dụng động từ phù hợp hơn, theo nguyên tắc SMART để có thể đo lường, đánh giá mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra.

2. Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan chi tiết hơn về các thông tin trong bản mô tả CTĐT; mở rộng quy mô và phạm vi thực hiện khảo sát; đa dạng

hoá các hình thức công khai bản mô tả CTĐT (bên cạnh việc đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường/Khoa, có thể sử dụng các nền tảng xã hội, tờ rơi tuyển sinh...) để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận; rà soát việc sử dụng động từ diễn đạt chuẩn đầu ra của một vài học phần sao cho phù hợp hơn để có thể đo lường, đánh giá được dễ dàng; quan tâm hơn đến hoạt động giám sát hỗ trợ người học tự học và tự nghiên cứu. Một vài học phần cần bổ sung các quy định đối với môn học và yêu cầu của giảng viên.

3. Nêu rõ các phương pháp dạy học được vận dụng trong quá trình giảng dạy, đặc biệt là các phương pháp dạy học góp phần giúp sinh viên đạt được đầy đủ các chuẩn đầu ra về một số kỹ năng và mức độ tự chủ trách nhiệm; rà soát lại tổ hợp các phương pháp dạy học/phương pháp kiểm tra đánh giá của một vài học phần để bổ sung hoặc điều chỉnh phương pháp dạy học/phương pháp kiểm tra đánh giá gắn với nội dung của học phần, tránh sự không tương thích giữa nội dung chương mục với chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT; tổ chức phân tích và đánh giá một cách khoa học, đầy đủ tổ hợp phương pháp dạy học/phương pháp kiểm tra đánh giá và có đối sánh nhằm khẳng định sự phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần và CTĐT; rà soát sắp xếp thứ tự các học phần phù hợp hơn để đảm bảo tính logic hơn của chương trình dạy học và tạo điều kiện thuận lợi cho người học xây dựng kế hoạch học tập, trong đó đề cương học phần ngoài việc quy định số tín chỉ, số tiết lý thuyết, tiết thảo luận/bài tập, tiết thực hành thì cần có quy định nhằm đảm bảo sự logic giữa các học phần với các học phần tiên quyết (yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm để tham gia các học phần tiếp theo).

4. Lập kế hoạch phổ biến, giới thiệu Triết lý giáo dục với các hình thức đa dạng hơn; quan tâm nhiều hơn đến việc hướng dẫn, giải thích đầy đủ nội hàm của triết lý giáo dục tới các đơn vị và cá nhân ngoài Trường; thường xuyên lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là nhà tuyển dụng về nội hàm triết lý giáo dục, nội hàm các giá trị cốt lõi đã được tuyên bố và thiết lập các khẩu hiệu hành động giúp cho cán bộ, giảng viên, học viên, sinh viên ghi nhớ và có thể thực hiện lồng ghép nội dung Triết lý giáo dục trong các hoạt động giảng dạy và học tập; rà soát bổ sung thêm một số phương pháp dạy học hướng tới tính thực tiễn cao và phù hợp hơn với nội dung của học phần; bổ sung vào đề cương học phần hoạt động giám sát, hỗ trợ giúp người học thực hiện việc tự học, tự nghiên cứu để có cơ sở đánh giá kết quả tự học của người học; định kỳ tổng kết, đánh giá các phương pháp dạy học được giảng viên sử dụng để đổi mới, thúc đẩy người học rèn luyện các kỹ năng thiết yếu nhằm nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5. Ban hành các quy định, hướng dẫn chuyên sâu về kiểm tra đánh giá nội bộ cấp Khoa theo đặc thù các môn học trong chương trình dạy học ngành GDCT; rà soát lại việc thiết kế rubric trong từng học phần và công cụ kiểm tra đánh giá thích hợp để đánh giá mức độ đạt được mỗi chuẩn đầu ra của CTĐT, nhất là đo lường, đánh giá các chuẩn đầu ra về các kỹ năng mềm và mức độ tự chủ, trách nhiệm của người học; rà soát và hoàn thiện bộ câu hỏi khảo sát để thu thập được các thông tin rõ ràng hơn về mức độ hiểu và nắm rõ đầy đủ các qui định về kiểm

tra đánh giá kết quả học tập của người học; tổ chức đánh giá tổng thể việc thực hiện các qui định/quy trình hiện hành về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có những điều chỉnh và cập nhật phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động kiểm tra đánh giá, giúp giảng viên điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học phù hợp hơn; phân tích sâu và đánh giá định kỳ hiệu quả của việc sử dụng hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để có cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến cách thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp hơn với đặc thù môn học trong chương trình dạy học ngành GDCT; tổ chức nhiều hơn các đợt tập huấn chuyên sâu về rubrics đánh giá các loại kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm theo chuẩn đầu ra; định kỳ rà soát, cải tiến các rubrics đánh giá dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với các học phần thực tập, thực tế và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm; định kỳ xem xét tính hiệu quả của hoạt động phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá làm cơ sở cải tiến các quy định, quy trình cũng như yêu cầu về mức cụ thể của nội dung phản hồi nhằm giúp người học sử dụng hiệu quả thông tin phản hồi cho quá trình cải tiến học tập; có quy định về khiếu nại kết quả điểm quá trình và có cơ chế cho phép người học được biết đáp án bài thi kết thúc học phần và nguyên nhân được thay đổi điểm để người học có thể rút kinh nghiệm học tập khi có nhu cầu.

6. Xây dựng dự báo đội ngũ giảng viên theo từng ngành đào tạo trong Chiến lược phát triển Trường làm căn cứ cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm giảng viên có học hàm GS/PGS; bổ sung quy định về phục vụ cộng đồng vào chế độ làm việc đối với giảng viên cho rõ hơn; xây dựng chính sách thu hút giảng viên có trình độ cao, đảm bảo thuận lợi trong việc tuyển dụng; xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực (KPIs) trên cơ sở có văn bản quy định việc đánh giá năng lực cho giảng viên; phát triển và hoàn chỉnh phần mềm tổng thể quản lý cơ sở dữ liệu cho giảng viên bao gồm cả kế hoạch cá nhân về đào tạo, bồi dưỡng, theo dõi, giám sát đầy đủ việc thực hiện công việc của giảng viên.

7. Cụ thể hoá về định hướng và định lượng trong quy hoạch đội ngũ nhân viên theo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cùng các dự báo nhu cầu trong dài hạn ngoài việc thực hiện hàng năm như hiện tại; cần thiết lập công cụ và quy trình phân tích (dựa trên số liệu thống kê, dự báo xu hướng đào tạo, quy mô sinh viên) để làm cơ sở xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Trường; rà soát, đánh giá vị trí việc làm trong đề án dựa trên quy mô đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng làm căn cứ điều chỉnh số lượng nhân viên trong các bộ phận cho phù hợp và phù hợp với chiến lược phát triển đội ngũ theo từng giai đoạn; cần định kỳ rà soát và cập nhật khung năng lực theo Đề án vị trí việc làm, bảo đảm phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn phát triển; bổ sung các tiêu chí liên quan đến năng lực số, khả năng ứng dụng công nghệ và thích ứng với đổi mới trong môi trường làm việc hiện đại vào tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự; sớm ban hành quy định đánh giá khung năng lực (KPIs) các vị trí chuyên viên đặc thù với các tiêu chí cụ thể; cần xây dựng công cụ hỗ trợ chuyên nghiệp hơn trong việc đánh giá công việc của đội ngũ nhân viên và người lao động trên cơ sở xây dựng bộ tiêu chí đánh giá có tính định lượng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn

thành nhiệm vụ theo vị trí công việc; tổ chức đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, trung hạn trên cơ sở năng lực cần có của từng vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đáp ứng với mục tiêu chiến lược và sứ mạng của Nhà trường; tổ chức lấy ý kiến giảng viên đánh giá chất lượng công tác của đội ngũ chuyên viên, nhân viên làm kênh tham khảo để đánh giá chất lượng đội ngũ chuyên viên, nhân viên; rà soát lại công cụ khảo sát, cần có câu hỏi thể hiện tính đặc trưng theo vị trí việc làm cũng như sự hài lòng về kết quả thi đua khen thưởng để thu nhận được ý kiến phản hồi nhằm cải tiến công tác thi đua khen thưởng và hoạt động đánh giá năng lực theo bộ chỉ số KPIs.

8. Thường xuyên có các hoạt động khảo sát thu thập thông tin đa dạng các nguồn khác nhau; phân tích/dự báo về nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động của ngành đào tạo để có chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp; nên tiến hành so sánh, phân tích chất lượng học tập của người học theo các phương thức tuyển sinh để có cơ sở đánh giá khoa học điểm phù hợp/chưa phù hợp giữa các phương thức, tổ hợp môn xét tuyển từ đó lựa chọn đưa ra được tiêu chí tuyển sinh phù hợp với đặc thù đào tạo của ngành để ổn định số lượng tuyển sinh hằng năm; cần định kỳ tổng kết, báo cáo đánh giá hiệu quả các hoạt động: tư vấn học tập, ngoại khóa, tìm kiếm việc làm; cần có nhiều trải nghiệm hơn tại các cơ sở như tại các bệnh viện, trường học, trung tâm Giáo dục... để cùng chia sẻ, kết nối; cần khảo sát đa dạng các bên liên quan, nội dung cụ thể hơn về hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm; môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

9. Rà soát, bố trí đủ diện tích làm việc cho cán bộ, giảng viên theo tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng 10m²/giảng viên quy định tại Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT; chỗ làm việc riêng biệt cho $\geq 70\%$ giảng viên quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT; có kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến giảng viên về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất; rà soát, có kế hoạch bổ sung, cập nhật nguồn học liệu phục vụ học tập và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 14/2023/TT-BGDĐT quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục đại học và Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT quy định biên soạn, lựa chọn thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học; đầu tư mới/nâng cấp/cải tạo thiết bị phòng đọc, phòng kho để nâng cao hiệu quả khai thác thư viện; cần mở rộng đối tượng khảo sát về cơ đến giảng viên và các bên liên quan khác; phân tích, bóc tách số liệu theo từng ngành đào tạo để xác định đúng trọng tâm cần ưu tiên đầu tư, cải tiến; nghiên cứu đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin; nâng cấp, tích hợp các phần mềm thành một hệ thống quản lý thống nhất; sớm phê duyệt và triển khai Đề án Chuyển đổi số; đa dạng đối tượng lấy ý kiến về hệ thống công nghệ thông tin như cán bộ, giảng viên, nhân viên có được những ý kiến đánh giá toàn diện, đa chiều; xây dựng quy định các tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn có quan tâm đến người khuyết tật; cải tạo, nâng cấp khu vực nhà vệ sinh ở các tòa nhà giảng đường; đầu tư/cải tạo/nâng cấp cơ sở vật chất, cần lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật.

10. Khảo sát các bên liên quan ngoài trường nên thu thập thêm thông tin về nhu cầu đào tạo, yêu cầu về năng lực các vị trí việc làm phù hợp với trình độ đào tạo làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung CTĐT, chương trình dạy học; khi rà soát, điều chỉnh CTĐT nên tham khảo ý kiến các chuyên gia cùng chuyên ngành ở các trường khác, các chuyên gia về quản lý giáo dục, về đảm bảo chất lượng ... có kinh nghiệm về xây dựng CTĐT để góp ý; lấy ý kiến giảng viên đánh giá về cơ sở vật chất và các hoạt động dịch vụ, hỗ trợ của Trường làm cơ sở để cải tiến; lấy ý kiến người học đánh giá từng học phần làm cơ sở để cải tiến đề cương học phần; triển khai hoạt động rà soát đánh giá quy trình thiết kế, phát triển chương trình dạy học đồng bộ với hoạt động rà soát CTĐT và cần lưu giữ minh chứng cụ thể; cần có chính sách hỗ trợ, động viên đội ngũ giảng viên có nhiều công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu về chuyên môn hơn nữa; cần có kế hoạch cải tiến tổng thể sau hoạt động khảo sát các bên liên quan và có giám sát, đánh giá hiệu quả của hoạt động cải tiến.

11. Mở rộng công tác đối sánh bên ngoài bằng cách xây dựng mạng lưới liên kết với các trường đại học có CTĐT ngành GDCT để thu thập và so sánh dữ liệu về tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm và mức độ hài lòng; nghiên cứu các BC thống kê của Bộ GDĐT, các tổ chức nghề nghiệp và các tổ chức kiểm định quốc tế để xác định vị thế của chương trình trong bối cảnh cạnh tranh nhằm xây dựng lộ trình phát triển qui mô tuyển sinh phù hợp; phát triển hệ thống phân tích sâu và dự báo rủi ro bằng cách triển khai mô hình phân tích đa chiều để nhận diện các yếu tố nguy cơ dẫn đến thôi học, tốt nghiệp chậm như thành tích học tập học kỳ ban đầu, hoàn cảnh kinh tế, tiến độ đáp ứng các điều kiện tốt nghiệp; chuẩn hóa quy trình đánh giá và cải tiến bằng cách thiết lập các chỉ số KPI mục tiêu cho tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học nói chung trong toàn trường; phát triển hệ thống dự báo và phân tích xu hướng thị trường lao động bằng cách xây dựng báo cáo thường niên về xu hướng phát triển ngành GDCT tại Việt Nam; phối hợp với các cơ quan nghiên cứu, hiệp hội nghề nghiệp để dự báo nhu cầu nhân lực; thiết lập hệ thống theo dõi dài hạn sự nghiệp của cựu sinh viên trong 3-5 năm sau tốt nghiệp để đánh giá hiệu quả lâu dài của CTĐT và sử dụng thông tin phản hồi để điều chỉnh nội dung chương trình; nâng cao tỷ lệ tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên bằng cách xây dựng các chương trình khuyến khích và hỗ trợ tài chính hấp dẫn hơn; tổ chức các buổi tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm từ sinh viên đã tham gia nghiên cứu khoa học thành công; đa dạng hóa phương pháp khảo sát và phân tích bằng cách bổ sung các phương pháp khảo sát định tính như phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm; phát triển ứng dụng trực tuyến để tăng tỷ lệ phản hồi; thực hiện khảo sát dài hạn để đánh giá tác động của các biện pháp cải tiến và sự đáp ứng của mục tiêu CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục chính trị của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục

(vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.